TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỚN QUẢN
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: **02**/2021/DS-ST
Ngày: 17/02/2021
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỚN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hồng

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Điểu Mẫn

2 Ông Võ Phi Hùng

- ***Thư ký ghi biên bản phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Sơn – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 123/2020/TLST- DS ngày 06/11/2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXX - DS ngày 07/01/2021 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Quốc H, sinh năm 1980

Địa chỉ: Tổ 12, ấp H, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Bửu T, sinh năm 1968

Địa chỉ: Tổ 1, ấp H, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Chị Trần Thị L, sinh năm 1983

Địa chỉ: Tổ 12, ấp H, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

(*Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt không có lý do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Tại đơn khởi kiện ngày 29/10/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơnNguyễn Quốc H trình bày*:**

Ngày 11/5/2020 anh Nguyễn Quốc H có cho ông Nguyễn Bửu T vay số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) với lãi suất tự thỏa thuận, khi vay hai bên có làm giấy tay, thỏa thuận thời hạn vay là 3 ngày (từ ngày 11/5/2020 đến ngày 13/5/2020), mục đích vay là để đáo hạn ngân hàng. Hiện nay đã quá thời hạn trả, anh Hương nhiều lần yêu cầu ông T trả số tiền đã vay và tiền lãi theo thỏa thuận nhưng ông T vẫn không thực hiện theo thỏa thuận.

Nay anh Nguyễn Quốc H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện H buộc ông Nguyễn Bửu T phải trả cho anh Hương số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) và tính lãi theo quy định của pháp luật.

**** Đối với bị đơn Nguyễn Bửu T:*** Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra, tiếp cận việc giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Nguyễn Bửu T không lên Tòa án làm việc và cũng không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Quốc H.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thị L**:

Số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) mà anh Nguyễn Quốc H cho ông Nguyễn Bửu T vay là tài sản chung của vợ chồng. Nay chị L thống nhất với yêu cầu khởi kiện của anh Hương, yêu cầu ông Nguyễn Bửu T có trách nhiệm trả cho anh Hương và chị L số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) và tiền lãi theo quy định.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa phát biểu:***

Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thu thập chứng cứ, giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử mở phiên toà. Tại phiên toà hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, thành phần các đương sự tham gia vụ án và phiên tòa đúng quy định.

Kiến nghị: Không có.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Quốc H, buộc ông Nguyễn Bửu T phải trả cho anh Nguyễn Quốc H và chị Trần Thị L số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) và tiền lãi từ ngày vi phạm đến ngày xét xử sơ thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền: Trong vụ án này, anh Nguyễn Quốc H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Bửu T phải trả lại số tiền đã vay và tiền lãi theo quy định, hiện ông Nguyễn Bửu T có nơi cư trú tại xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là vụ án Tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước.

Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn Nguyễn Quốc H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thị L vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị Hội đồng xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Hội đồng xét xử tiếp tục đưa vụ án ra xét xử.

Đối với bị đơn Nguyễn Bửu T: Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do chính đáng, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiếp tục đưa vụ án ra xét xử.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Đối với tiền gốc: Ngày 11/5/2020 ông Nguyễn Bửu T, sinh năm 1968, cư trú tại tổ 1, ấp H, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước có vay của anh Nguyễn Quốc H số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), thỏa thuận thời hạn vay là 3 ngày (từ ngày 11/5/2020 đến ngày 13/5/2020), mục đích vay là để đáo hạn ngân hàng. Khi đến hạn tuy nhiều lần yêu cầu ông T trả số tiền đã vay theo thỏa thuận nhưng ông T vẫn không thực hiện nên anh Hương khởi kiện yêu cầu ông T trả số tiền đã vay và tiền lãi theo quy định.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Do phía bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, do đó Tòa án căn cứ vào những tài liệu do nguyên đơn cung cấp và các tài liệu thu thập được để giải quyết vụ án. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện ngày 11/5/2020 ông Nguyễn Bửu T có vay của anh Nguyễn Quốc H, chị Trần Thị L số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), việc vay mượn có làm giấy tờ tay, thỏa thuận thời hạn vay 3 ngày, đến ngày 13/5/2020 ông T phải thanh toán số tiền gốc đã vay. Các bên đều ký nhận nợ, do

phía bị đơn được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không lên Tòa án làm việc để thể hiện ý kiến phản đối, nên căn cứ giấy vay mượn có chữ ký của các bên có cơ sở xác nhận việc các bên thực hiện giao dịch là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với các quy định của Bộ luật dân sự về hợp đồng vay tài sản. Khi đến hạn trả nợ, ông T không thực hiện trách nhiệm trả nợ cho anh Hương, chị L. Do đó, việc anh Hương, chị L yêu cầu ông T phải trả cho anh Hương, chị L số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) đã mượn là có cơ sở, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Đối với yêu cầu về tiền lãi của nguyên đơn: Theo giấy vay tiền ngày 11/5/2020, ông T và anh Hương, chị L không thỏa thuận về mức lãi suất, nhưng có ghi thời hạn trả nợ, đến hạn ngày 13/5/2020 ông T không trả tiền gốc cho anh Hương, chị L theo thỏa thuận nên theo quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 thì tiền lãi phát sinh do nghĩa vụ chậm trả tính đến thời điểm xét xử ông T có nghĩa vụ trả cho anh Hương, chị L là: 50.000.000đ x 0,83%/tháng x 9 tháng 3 ngày (kể từ ngày 14/5/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm) = 3.776.500đ theo đúng quy định.

[2.3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Quốc H, chị Trần Thị L được Hội đồng xét xử chấp nhận nên anh Hương, chị L không phải chịu án phí. Ông Nguyễn Bửu T phải chị án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định.

[3] Về ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1, 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 357, Điều 463, Điều 465, khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Quốc H và chị Trần Thị L.

Buộc ông Nguyễn Bửu T có trách nhiệm trả cho anh Nguyễn Quốc H, chị Trần Thị L số tiền 53.776.500đ (Năm mươi ba triệu, bảy trăm bảy mươi sáu ngàn, năm trăm đồng) trong đó tiền gốc là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), tiền lãi là 3.776.500đ đ (Ba triệu, bảy trăm bảy mươi sáu ngàn, năm trăm đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Bửu T phải chịu số tiền 2.689.000 (hai triệu, sáu trăm tám mươi tám ngàn đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước trả cho anh Nguyễn Quốc H số tiền 1.364.575 đồng theo biên lai thu số 0002375 ngày 06/11/2020.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt bản án hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện H;
- THA huyện H
- Đương sự;
- Lưu HS.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)
Nguyễn Mạnh Hồng;